

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **61/2017/HSST**.
Ngày 29/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Biên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Nguyễn Thị Tài**

Nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí

2. Bà: **Phan Thị Hà**

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoà**, là thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa: Ông **K'Ràng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường Tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2017/HSST ngày 02/10/2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/HSST-QĐ ngày 17/11/2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Văn B** (Tên gọi khác: T), sinh ngày 19/02/1999 tại Bến Tre.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số nhà 2, ấp Xương T, xã Thới T, huyện Thanh P, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: lớp 7/12; Con ông: Mai Văn N và bà: Nguyễn Thị K; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Đến ngày phạm tội (15/12/2015) thì bị cáo 16 tuổi 10 tháng 26 ngày. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/12/2016, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Bảo L. *Có mặt.*

Người bị hại: Anh **Nguyễn Thành Q** (Xít), sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn 10C, xã Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Mai Văn N**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1968
Địa chỉ: Số nhà 2, ấp Xương T, xã Thới T, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre.
Bà Khoẻ có mặt, ông N vắng mặt.

2. Anh **Mai Trung T**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Số nhà 2, ấp Xương T, xã Thới T, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12/2015, ông Mai Văn N, trú tại: ấp Xương T, xã T Thạnh, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre lên xã Lộc T, huyện Bảo L làm thuê cho anh Trần Văn T tại thôn 4, xã Lộc T, huyện Bảo L. Trong quá trình làm thuê, anh T kể chuyện tranh chấp đất đai của gia đình anh Nguyễn Thành Q cho ông N nghe, ông N nói chuyện này gia đình ông giúp được nên anh T nói lại cho anh Q biết, rồi anh Q gặp ông N nói chuyện và được ông N giới thiệu có đứa cháu tên T làm ở bộ phận phòng chống tham nhũng Bộ công an có thể giúp được anh Q. Và ông N nói chuyện tranh chấp đất của gia đình anh Q cho B (T) biết. Sau đó, B (T) tự liên lạc qua điện thoại với anh Q và tự xưng là T cháu của ông N làm ở bộ phận phòng chống tham nhũng Bộ công an. Qua trao đổi thì B (T) và anh Q thống nhất: B giúp anh Q giải quyết việc tranh chấp đất đai của gia đình anh Q với giá là 55.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, ngày 15/12/2015, anh Q chuyển khoản cho B 30.000.000 đồng thông qua tài khoản tên Mai Trung T tại ngân hàng Sacombank do B cung cấp. B là người sử dụng tài khoản trên, sau đó B đã rút hết 30.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Khoảng 03-04 ngày sau, B thuê xe của ông Võ Duy K (Sinh năm 1959), trú tại: ấp Thạnh Lại, xã Bình T, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre đến nhà anh Q và nhận tiếp số tiền 25.000.000 đồng. Đến khoảng 02-03 ngày sau, B lại điện thoại cho anh Q nói cần phải đưa thêm tiền để chi phí và yêu cầu anh Q đưa thêm 10.000.000 đồng, anh Q đồng ý. Lần này B thuê xe của ông Nguyễn Văn B (Sinh năm 1965), trú tại: ấp Thạnh An, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre, đi cùng lái xe Nguyễn Đức T (Sinh năm 1989), trú tại: ấp Thạnh Quý, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre đến ngã ba Tà Ngào, xã Lộc T, huyện Bảo L gặp anh Q và nhận số tiền 10.000.000 đồng. Bằng thủ đoạn tương tự, ngày 28/12/2015 B yêu cầu anh Q đưa thêm 16.000.000 đồng, lần này B tiếp tục thuê xe của anh Bền lên ngã ba Đại B, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc gặp anh Q để nhận tiền. Tiếp sau đó ngày 28/12/2015, anh Q lại tiếp tục chuyển cho B 5.000.000 đồng vào tài khoản của Mai Trung T tại ngân hàng Sacombank theo yêu cầu của B. Do thấy lâu chưa được giải quyết nên anh Q điện thoại cho B để hỏi, thì B cho anh Q số điện thoại khác tên N (B nói N làm ở Tòa án) nhưng thực chất đó là số điện thoại khác của B và yêu cầu anh Q điện thoại cho N. Khi anh Q điện thoại cho N (tức B) thì B yêu cầu anh Q phải đưa thêm 40.000.000 đồng cho B thì mới giúp được, do tin tưởng nên anh Q đồng ý. B lại thuê xe của ông

Bền đến ngã ba Đại B và nhận số tiền 40.000.000 đồng từ anh Q. Khoảng 02-03 ngày sau, B tiếp tục yêu cầu anh Q đưa thêm 14.000.000 đồng và nói dối anh Q là đưa 02 thư ký Tòa án, lúc này anh Q nghi ngờ B lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình nên không đưa tiền.

Ngoài ra, khi Mai Văn N về Bến Tre, anh Q có đưa số tiền 1.000.000 đồng để nhờ ông N gửi cho B và ông N đã đưa số tiền trên cho B.

Tổng số tiền Mai Văn B đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Thành Q là 127.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu đồng). Sau khi nhận tiền của anh Q thì B không làm gì để giúp anh Q mà sử dụng toàn bộ số tiền trên vào việc tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 18/3/2016, anh Nguyễn Thành Q đã nộp đơn tố cáo Mai Văn N và Mai Văn B lừa đảo chiếm đoạt số tiền 127.000.000 đồng.

Tại phiên toà:

Bị cáo Mai Văn B thừa nhận: Từ ngày 15/12/2015 đến 28/12/2015 đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại tin là thật và đã nhiều lần chiếm đoạt của anh Q tổng cộng 127.000.000 đồng. Nay người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại toàn bộ số tiền 127.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, bị cáo đồng ý.

Người bị hại anh Nguyễn Thành Q trình bày: Thông qua bố ruột của B là ông Mai Văn N mà bị cáo biết được việc tranh chấp đất đai của gia đình anh, ông N giới thiệu bị cáo tên T là cháu của ông N làm ở bộ phận phòng chống tham nhũng Bộ công an có thể giúp được anh nên từ ngày 15/12/2015 đến 28/12/2015 đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho anh tin là thật và đã nhiều lần chiếm đoạt của anh với tổng cộng 127.000.000 đồng. Nay đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại toàn bộ số tiền 127.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 52/CTr-VKS ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Mai Văn B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự 1999 và xử phạt bị cáo Mai Văn B từ 24 đến 30 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Thành Q yêu cầu bị cáo Mai Văn B bồi thường số tiền 127.000.000 đồng đã chiếm đoạt, bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Hiện nay bị cáo B chưa bồi thường nhưng đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L số tiền 50.000.000 đồng

để khắc phục hậu quả, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo B phải tiếp tục bồi thường 77.000.000 đồng.

Về vật chứng: 01 dây nịt da màu nâu đã qua sử dụng, phía cuối dây nịt có in dòng chữ “CÔNG TY 19-5 – BỘ CÔNG AN”, mặt dây nịt màu vàng, có chữ “CA”. Loại dây nịt dạng dây nịt sử dụng trong ngành Công an; 01 đôi giày da màu đen đã qua sử dụng, cỡ giày 41, phía trong giày có in dòng chữ “Cty 19-5. CN PHƯƠNG N (TP. HCM), loại giày dạng trong ngành Công an đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Sau thời gian bị tạm giam đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bảo L, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, bị cáo Mai Văn B chỉ là người lao động làm thuê nhưng thông qua ông N (là bố của bị cáo), bị cáo biết được gia đình anh Nguyễn Thành Q có tranh chấp đất đai cần giải quyết nên bị cáo liên lạc qua điện thoại với anh Q. Để chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo B đưa ra các thông tin gian dối về bản thân tự xưng danh cán bộ Công an làm ở bộ phận phòng chống tham nhũng Bộ công an có khả năng giải quyết tranh chấp đất đai của gia đình anh Q, làm cho người bị hại tin là thật và nhiều lần đưa tiền cho bị cáo với số tiền cộng chung 127.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, bị cáo không làm gì giúp người bị hại mà dùng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người bị hại làm cho người bị hại tin thật, yêu cầu đưa tiền để đưa cho cán bộ Tòa án để được giúp đỡ. Lời khai thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, biên bản nhận dạng, các tài liệu, chứng cứ liên quan số tiền nộp vào tài khoản số hiệu 070055268663 Sacombank tại phòng giao

dịch Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L đã truy tố bị cáo.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mai Văn B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L truy tố bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng, làm giảm uy tín, danh dự của ngành công an, ngành Tòa án, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn. Điều đó cho thấy bản thân bị cáo rất coi thường pháp luật.

Để trừng trị nghiêm khắc hành vi phạm tội, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật nên cần phải xét xử và áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tác động gia đình tự nguyện nộp vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L với số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Vì vậy, áp dụng quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên nên áp dụng Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Mai Văn N có hành vi cung cấp thông tin cho bị cáo B phạm tội thể hiện qua lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng. Xét thấy ông Mai Văn N có dấu hiệu phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với vai trò đồng phạm với bị cáo B nên kiến nghị cơ quan điều tra Công an huyện Bảo L tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Mai Trung T là chủ thẻ ngân hàng Sacombank số hiệu 070055268663 đã nhận tiền chuyển khoản của anh Q. Quá trình điều tra xác định do bị cáo B không có chứng minh nhân dân nên bị cáo đã lấy chứng minh của anh Trục (là anh ruột của bị cáo B) làm thẻ ATM tại ngân hàng Sacombank, việc sử dụng thẻ do bị cáo trực tiếp sử dụng, giao dịch còn anh Trục không biết, không sử dụng số tiền do anh Q chuyển vào. Do đó, không có căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm của Trục là thoả đáng.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Nguyễn Thành Q yêu cầu bị cáo Mai Văn B bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 127.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Hiện nay bị cáo B chưa bồi thường nhưng gia đình của bị cáo đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do vậy, cần buộc bị cáo B phải tiếp tục bồi thường cho anh Q số tiền 77.000.000 đồng.

Về vật chứng: 01 dây nịt da màu nâu đã qua sử dụng, phía cuối dây nịt có in dòng chữ “CÔNG TY 19-5 – BỘ CÔNG AN”, mặt dây nịt màu vàng, có chữ “CA”. Loại dây nịt dạng dây nịt sử dụng trong ngành Công an; 01 đôi giày da màu đen đã qua sử dụng, cỡ giày 41, phía trong giày có in dòng chữ “Cty 19-5. CN PHƯƠNG N (TP. HCM), loại giày dạng sử dụng trong ngành Công an xét đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 3.850.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Mai Văn B** (Tên gọi khác: T) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Mai Văn B** 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 09/12/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Mai Văn B phải bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Thành Q số tiền 127.000.000 đồng, gia đình bị cáo B đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10/10/2017 và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 26/10/2017. Buộc bị cáo B phải tiếp tục bồi thường cho anh Q số tiền 77.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 dây nịt da màu nâu đã qua sử dụng, phía cuối dây nịt có in dòng chữ “CÔNG TY 19-5 – BỘ CÔNG AN”, mặt dây nịt màu vàng, có chữ “CA”. Loại dây nịt dạng dây nịt sử dụng trong ngành Công an; 01 đôi giày da màu đen đã qua sử dụng, cỡ giày 41, phía trong giày có in dòng chữ “Cty 19-5. CN PHƯƠNG N (TP. HCM), loại giày dạng sử dụng trong ngành Công an.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Mai Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 3.850.000 đồng.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKS tỉnh Lâm Đồng.
- VKS huyện Bảo L
- Bị cáo, và những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện Bảo L.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Biên
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Phan Thị Hà**
2. Bà: **Nguyễn Thị Tài**

- Căn cứ Điều 199 và 222 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” thụ lý số 65/2017/HSST ngày 16/11/2017 đối với bị cáo Mai Văn B.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1/ Về tội danh:

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Hà:*** Bị cáo Mai Văn B phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Tài:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà.

+ ***Ý kiến chủ tọa:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà và HTND Tài.

+ **HDXX biểu quyết:** Thống nhất 3/3.

2/ Về điều luật áp dụng:

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Hà:***

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74; Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 468, Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự; Điều 76, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Tài:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà.

+ ***Ý kiến chủ tọa:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà và HTND Tài.

+ **HDXX biểu quyết:** Thống nhất 3/3.

3/ Về mức hình phạt:

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Hà:***

Xử phạt bị cáo **Mai Văn B** 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 19/12/2016.

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Tài:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà.

+ ***Ý kiến chủ tọa:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà và HTND Tài.

+ **HDXX biểu quyết:** Thống nhất 3/3.

4/ Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Hà:***

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mai Văn B phải bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Thành Q số tiền 127.000.000 đồng, gia đình bị cáo B đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10/10/2017 và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 26/10/2017. Buộc bị cáo B phải tiếp tục bồi thường cho anh Q số tiền 77.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản

tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 dây nịt da màu nâu đã qua sử dụng, phía cuối dây nịt có in dòng chữ “CÔNG TY 19-5 – BỘ CÔNG AN”, mặt dây nịt màu vàng, có chữ “CA”. Loại dây nịt dạng dây nịt sử dụng trong ngành Công an; 01 đôi giày da màu đen đã qua sử dụng, cỡ giày 41, phía trong giày có in dòng chữ “Cty 19-5. CN PHƯƠNG N (TP. HCM), loại giày dạng sử dụng trong ngành Công an.

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Tài:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà.

+ ***Ý kiến chủ tọa:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà và HTND Tài.

+ **HDXX biểu quyết:** Thống nhất 3/3.

5/ Về án phí:

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Hà:*** Buộc bị cáo B phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm là 3.850.000 đồng.

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Tài:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà.

+ ***Ý kiến chủ tọa:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà và HTND Tài.

+ **HDXX biểu quyết:** Thống nhất 3/3.

6/ Về quyền kháng cáo:

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Hà:*** Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ ***Ý kiến hội thẩm nhân dân Tài:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà.

+ ***Ý kiến chủ tọa:*** Thống nhất với ý kiến HTND Hà và HTND Tài.

+ **HDXX biểu quyết:** Thống nhất 3/3.

Buổi nghị án kết thúc lúc 11 giờ 15 ngày 29 tháng 11 năm 2017, các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận nội dung đã quyết định.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hà – Nguyễn Thị Tài

Trần Văn Biên